TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2024/DS-PT
Ngày: 11/12/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Lộc**

Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Chiếm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 328/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 373/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấ (nay là P), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số A, N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị M: Ông **Nguyễn Phước T,** sinh năm 1990. Địa chỉ: Số C, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.(theo văn

bản ủy quyền ngày 20/5/2024): vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Phan Văn T1**, sinh năm 1977: có đơn xin vắng mặt

3.2 Ông **Phan Hữu N1**, sinh năm 1995: có mặt

3.3 Ông **Phan Minh H**, sinh năm 1997: có đơn xin vắng mặt

3.4 Ông **Ngô Văn T2**, sinh năm 2002: có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấ (nay là P), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3.5 Ông **Tiêu Công T3**, sinh năm 1970: có mặt

3.6 Bà **Quan Hữu H1**, sinh năm 1975: có mặt

Địa chỉ: Số B, ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

3.7 Ông **Nguyễn Trung H2**, sinh năm 1990: có mặt

3.8 Bà **Lê Thị Anh T4**, sinh năm 1995: vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Anh T4: Ông **Nguyễn Trung H2,** sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: Ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/8/2024)

3.9 Ông **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1995: có mặt

3.10 Bà **Trần Thị Ái N2**, sinh năm 1993: vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Ái N2: Ông **Nguyễn Thanh D,** sinh năm 1995. Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/7/2024)

Người kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2023, đơn sửa đổi bổ sung ngày 17/01/2024, ngày 04/7/2024 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/8/2022 vợ chồng bà, ông T1 vay của bà M số tiền 80 triệu đồng, có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 210, tờ bản đồ 14, tọa lạc ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long với hình thức ủy quyền thửa đất cho bà M, thời gian 02 năm, lãi suất 3%/tháng, từ tháng 9/2022 đến ngày 12/10/2023 thì bà đã đóng lãi 36.000.000đ. Khoảng 01 năm sau khi vay, bà có liên hệ bà M chuộc lại giấy tờ đất nhưng bà M không cho. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà M trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, bà đồng ý trả bà M số tiền vay là 80 triệu, không tính lãi. Đối với số tiền lãi bà đã đóng cho bà M, yêu cầu bà M trả lại 29.600.000đ.

Theo biên bản hòa giải ngày 30/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày: đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N, đồng ý nhận lại 80 triệu đồng. Hiện giấy tờ đất đã chuyển nhượng cho ông T3 với giá 300 triệu đồng, bà M sẽ trả lại ông T3 300 triệu đồng để nhận lại giấy tờ đất trả lại bà N.

Theo biên bản hòa giải ngày 30/5/2024 vợ chồng ông T3, bà H1 trình bày: ông bà nhận chuyển nhượng đất với giá 300 triệu đồng, ông bà cũng đã bán lại cho ông Nguyễn Trung H2 với giá 300 triệu đồng. Theo yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa bà M, bà N thì ông bà cũng đồng ý, tuy nhiên ông bà đề nghị bà M trả 300 triệu đồng cho ông H2 để ông H2 trả lại giấy cho bà M.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 30/5/2024 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ông H2 trình bày: ông nhận 220 triệu đồng từ bà M, 80 triệu đồng từ bà N, tổng cộng 300 triệu đồng. Ông đồng ý vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa bà N và bà M, vô hiệu hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa bà M (đại diện cho gia đình bà N) với ông T3, vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng ông T3, bà H1 với ông.

Ngày 30/5/2024 các đương sự thỏa thuận thành, tuy nhiên ngày 04/6/2024 ông H2 có văn bản đề nghị Tòa án không ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, đồng thời bổ sung thêm người tham gia tố tụng.

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2024, ông H2 bà T4 xác định khi nhận chuyển nhượng đất thì có xác nhận đất không tranh chấp, giá thực tế ông chuyển nhượng cho ông D là 450 triệu đồng và yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng. Trường hợp không công nhận thì yêu cầu ông T3, bà H1 trả giá trị đất là 450 triệu đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông D và bà N2: yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng, trường hợp không công nhận thì yêu cầu ông H2, bà T4 trả lại 450 triệu đồng và lãi suất 1,6%/tháng tính từ tháng 02/2024.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 124, 131, 463, 466,468, 470 BLDS 2015; các Điều 147, 157, 227, 228 BLTTDS; Điều 26,27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Năng .

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 01/8/2022; vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/8/2022, ngày 13/7/2023 (ngày công chứng hợp đồng) và ngày 05/02/2024 (ngày công chứng hợp đồng), các hợp đồng trên liên quan đối với thửa đất 210, tờ bản đồ 14, tọa lạc xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Ngô Thị N, ông Phan Văn T1, anh Phan Hữu N1, anh Ngô Văn T2, anh Phan Minh H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 210, tờ bản đồ 14, tọa lạc xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo quy định pháp luật.

Bà Ngô Thị N có nghĩa vụ trả bà Phạm Thị M số tiền vay 71.603.733đ (*bảy mươi mốt triệu sáu trăm lẻ ba ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng*)

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: bà M có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Ái N2 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*).

Ông Nguyễn Trung H2, bà Lê Thị Anh T4 có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Ái N2 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khấu trừ 23.200.000đ vào tiền vay 80 triệu đồng của bà N.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường 150 triệu đồng của ông H2, bà T4.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại 34.650.000đ là lãi suất của ông D, bà N2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H2 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H2 với ông D. Trường hợp không công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất thì yêu cầu ông Tiêu Công T3 và bà Quan Hữu H1 trả lại 150.000.000 đồng tiền thiệt hại do chênh lệch giá đất tại thời điểm chuyển nhượng và thời điểm hiện tại.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh D có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H2 với ông D hoặc được đền bù số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày giao nhận tiền tại phòng công chứng, ngày 05/02/2024 bằng 31.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H2 giữ yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh D trình bày: rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền lãi.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn và người đại diện hợp pháp đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất:

- Giá thị trường của phần đất thửa 210, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại xã L, huyện T là 450.000.000 đồng. Các đương sự không có yêu cầu định giá lại và xác định trường hợp vô hiệu hợp đồng thì hậu quả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu là 150.000.000 đồng. Ngoài ra không còn thiệt hại nào khác.

- Ông T3, bà H1 đã nhận của ông H2 số tiền 300.000.000 đồng.

- Ông H2, bà T4 đã nhận của ông D, bà N2 số tiền 450.000.000 đồng.

- Trường hợp vô hiệu hợp đồng, các bên có nghĩa vụ trả cho nhau số tiền đã nhận.

- Thống nhất việc ông D rút kháng cáo đối với yêu cầu tính lãi.

Vấn đề không thống nhất:

- Ông H2, ông D yêu cầu được công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng nguyên đơn là bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng về phía nguyên đơn không đồng ý.

- Các bên không thống nhất được việc xác định lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu.

- Ông H2, bà T4 yêu cầu ông T3, bà H1 trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã nhận và bồi thường chênh lệch giá 150.000.000 đồng nhưng ông T3, bà H1 không đồng ý bồi thường số tiền chênh lệch giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng.

- Chấp nhận một phần kháng cáo. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữ ông H2 và ông D về việc ông H2 trả cho ông D số tiền 450.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo buộc ông T3, bà H1 bồi thường 150.000.000 đồng.

- Buộc bà M trả cho ông T3, bà H1 300.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu quan điểm về đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đã rút; án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn và người đại diện hợp pháp đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo có văn bản ủy quyền hoặc có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập trên cơ sở hợp đồng giả cách là vay tài sản và không đủ điều kiện xác định người thứ ba ngay tình nên tất cả các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều vô hiệu. Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật Dân sự.

Xét quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu là chênh lệch giá tại thời điểm chuyển nhượng với giá thị trường bằng số tiền 150.000.000 đồng và không yêu cầu định giá

lại giá đất nên Hội đồng xét xử xác định số tiền 150.000.000 đồng là thiệt hại phải bồi thường.

Về lỗi gây ra thiệt hại, Hội đồng xét xử xét thấy, bà M đã lợi dụng văn bản ủy quyền để xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T3, bà H1 trái với thỏa thuận tại hợp đồng vay tài sản với bà N. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau đó giữa ông T3, bà H1 với ông H2, bà T4 và giữa ông H2, bà T4 với ông D, bà N2 bị vô hiệu nên bà M có lỗi toàn bộ. Do vậy, bà M phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã nhận và bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho ông T3, bà H1. Ông T3, bà H1 có nghĩa vụ trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã nhận của ông H2, bà T4 và 150.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại. Ông H2, bà T4 có nghĩa vụ trả lại cho ông D, bà N2 số tiền 450.000.000 đồng như thỏa thuận tại phiên tòa là có cơ sở.

[3] Về án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được chấp nhận nên đương sự có yêu cầu phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng số tiền theo nghĩa vụ phải trả 450.000.000 đồng là 20.000.000 đồng + (50.000.000 đồng x 4%) = 22.000.000 đồng.

Ông D, bà N2 còn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường tiền lãi trong giai đoạn sơ thẩm là 31.000.000 đồng x 5% = 1.550.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu. Trả lại cho đương sự tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[4] Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung H2, bà Lê Thị Anh T4 và ông Nguyễn Thanh D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án do không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 298, Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại lãi suất do ông Nguyễn Thanh D đã rút kháng cáo tại phiên tòa.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H2, Lê Thị Anh T4, Nguyễn Thanh D

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 124, 131, 463, 466,468, 470 BLDS 2015; các Điều 147, 157, 227, 228 BLTTDS; Điều 26,27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị Năng .

1.1. Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 01/8/2022; vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/8/2022, ngày 13/7/2023 (ngày công chứng hợp đồng) và ngày 05/02/2024 (ngày công chứng hợp đồng), các hợp đồng trên liên quan đối với thửa đất 210, tờ bản đồ 14, tọa lạc xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Ngô Thị N, ông Phan Văn T1, anh Phan Hữu N1, anh Ngô Văn T2, anh Phan Minh H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 210, tờ bản đồ 14, tọa lạc xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo quy định pháp luật.

1.2. Bà Ngô Thị N có nghĩa vụ trả bà Phạm Thị M số tiền vay 71.603.733đ (*bảy mươi mốt triệu sáu trăm lẻ ba nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*)

1.3. Buộc bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Tiêu Công T3, bà Quan Hữu H1 số tiền 300.000.000đ và bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, tổng cộng: 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng)*.

1.4. Buộc ông Tiêu Công T3, bà Quan Hữu H1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung H2, bà Lê Thị Anh T4 số tiền 300.000.000đ và bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, tổng cộng: 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng)*.

1.5. Buộc ông Nguyễn Trung H2, bà Lê Thị Anh T4 có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Ái N2 số tiền 450.000.000đ (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

1.6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị N phải chịu 4.730.000đ (*bốn triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.300.000đ theo biên lai thu số 0006674 ngày 13/3/2024 và 740.000đ theo biên lai thu số 0007066 ngày 05/7/2024. Bà N phải nộp tiếp 1.690.000đ (*một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Bà Phạm Thị M phải chịu 22.300.000đ (*hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Bà Ông Tiêu Công T3 và bà Quan Hữu H1 phải chịu 22.300.000đ (*hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Trung H2 và bà Lê Thị Anh T4 phải chịu 22.300.000đ (*hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 11.000.000đ (*mười một triệu đồng*) theo biên lai thu số 0007116 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ông H2, bà T4 còn phải nộp tiếp số tiền 11.300.000đ *(mười một triệu ba trăm nghìn đồng)*

Ông Nguyễn Thanh D, bà Trần Thị Ái N2 phải chịu 2.032.000đ (*hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng*), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 11.747.000đ (*mười một triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007097 ngày 19/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại cho ông D, bà N2 số tiền 9.715.000đ (*chín triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng*).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trung H2 và bà Lê Thị Anh T4 số tiền 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 007232 ngày 25/9/2025 và biên lai số 007204 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh D số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0007218 ngày 20/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND TP.Vĩnh Long;
- VKSND TP.Vĩnh Long;
- CCTHADS TP.Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lâm Triệu Hữu